TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2018/HS-ST
Ngày: 14-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Ngọc Thành
2. Ông Phạm Công Gia

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:* Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

- Đại diện VKSND huyện TP tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án huyện TP, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 05/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/HSST-QĐ ngày 06/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn T, sinh năm 1987 tại Vĩnh Phúc; (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Kinh doanh nhà nghỉ; Trình độ học vấn: 9/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam
Tôn giáo: Phật giáo Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Đặng Văn M, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1966;
Vợ: Trịnh Thị N, sinh năm 1989;
Hiện có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014;
Tiền án: không;
Tiền sự: không;
Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13 tháng 6 năm 2017 đến ngày 23 tháng 10 năm 2017 thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp bảo lĩnh.

2. Đặng Văn M, sinh năm 1964 tại Vĩnh Phúc; (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Kinh doanh nhà nghỉ; Trình độ học vấn: 6/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam
Tôn giáo: Phật giáo Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Đặng Xuân M1, sinh năm 1945 và bà: Trương Thị M2, sinh năm 1946, hiện ở tỉnh Vĩnh Phúc;
Vợ: Hoàng Thị T1, sinh năm 1966;
Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1989;

Tiền án: không;

Tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 17 tháng 8 năm 2017.

- *Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã PS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Phạm Hoàng Anh T3, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố 9, thị trấn Mg, huyện ĐH, Lâm Đồng

- Người làm chứng:

1.Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

2. Anh Bùi Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

3. Anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1973(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

4. Chị Nguyễn Thị Mỹ B1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PN, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T và anh Phạm Hoàng Anh T3 có mối quan hệ quen biết với nhau, T có vay và thiếu nợ anh T3 số tiền 150.000.000đ. Giữa T3 và N có quan hệ tình cảm với nhau, khoảng 03 giờ sáng ngày 17/4/2017 anh T3 trèo tường rào vào phòng nghỉ trọ số 105 thuộc khu nhà nghỉ TC do vợ chồng T quản lý để gặp gỡ chị N chuyện trò tình cảm yêu đương thì bị T bắt gặp đuổi đánh, T3 đã bỏ chạy (N, sinh năm 1989 là vợ của Đặng Văn T)

Do T còn nợ tiền nên sáng ngày 21/4/2017 T3 nhờ Nguyễn Tấn T2 đến nhà T để hỏi tiền cho T3, tại đây T và T2 xảy ra xô xát, cãi nhau, T nói " chuyện của tao với thằng T3 không liên quan đến mày ", T2 dùng tay đấm T 01 cái vào người thì T chạy ra sân nhà mình la lên, T2 bỏ về nói lại sự việc cho T3 nghe. Khoảng 12 giờ ngày 21/4/2017 T đi sang nhà ông M lấy một cây tuýp sắt mang về nhà trọ để đề phòng khi T3 đến. Vào lúc 13 giờ 30 phút cùng ngày T3 cầm theo một con dao rựa dài khoảng 50cm và kêu T2 điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 104.92 chở đến nhà T nói chuyện. Khi T2 điều khiển xe mô tô vào trong sân nhà nghỉ T chung thì dừng lại, tại đây T3 xuống xe mang theo con dao rựa đi vào nhà tìm T, lúc này T đang ngồi trên võng ăn ổi thấy vậy liền cầm 01 dao bầu dài 40cm và 01 típ sắt dài 70cm chạy ra ngoài đóng cổng lại để gọi báo Công an, T3 và T2 đứng trong sân còn T đứng bên ngoài cổng. T và T3 cầm dao nhứ qua nhứ lại chửi bới đòi chém nhau. Do T không mở cổng nên T3 và T2 dẫn xe mô tô theo hướng cửa sau nhà nghỉ ra ngoài. Sau khi T3 và T2 bỏ đi thì ông Đặng Văn M (là cha ruột của Đặng Văn T) điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 419.45 đi đến, ông M gọi điện thoại báo Công an xã đồng thời theo yêu cầu của T, ông M chở T đi tìm T3 và T2 đánh. Ông M điều khiển xe mô tô đi vòng ra quốc lộ 20 vào một đường hẻm phía sau nhà nghỉ của T T1ộc ấp PN, xã PT thì gặp T3 và T2 đang đi ra, ông M dừng xe

mô tô còn T nhảy xuống cầm theo con dao bầu và cây tuýp sắt T2 về phía T3 và T2, ông M đi theo sau. Khi thấy T và M đi đến thì T3 và T2 bỏ chạy, T3 chạy trước còn T2 chạy sau, T2 chạy đến cổng nhà anh T4 thì bị vấp ngã, T và M chạy đến đánh, T2 đưa tay trái lên đỡ thì bị T dùng típ sắt đánh 01 cái vào tay trái sau đó tiếp tục đuổi theo T3. Trong lúc đuổi theo T3, T vứt cây tuýp sắt xuống đường, ông M chạy theo sau nhặt cây tuýp sắt lên và cùng T đuổi theo T3. Trong khi bỏ chạy, T3 có nhặt cục gạch ném về phía T và bị trượt chân ngã xuống đất, lúc này T chạy tới dùng dao chém vào bàn tay trái, vai phải, mông phải, đùi phải của T3, ông M thấy vậy vào can ngăn, kéo T ra không cho T đánh nữa rồi cùng với T ra chỗ để xe mô tô và cả hai đi về nhà, một lúc sau thì lực lượng công an đến làm việc. Hành vi phạm tội của T và M đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP điều tra xác M2 làm rõ.

Tang vật thu giữ trong vụ án gồm :

- 01 dao bầu dài 40cm, mũi nhọn (phần lưỡi dài 30cm, phần cán gỗ dài 10cm); 01 típ sắt tròn dài 70cm, đường kính 2,5cm do T giao nộp.

- 01 dao rựa dài 50cm (phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 30cm, bản rộng nhất 08cm); 01 xe mô tô hiệu Wave RX biển số 60B3 – 104.92 của Phạm Hoàng Anh T3 được T1 giữ tại hiện trường và 01 mũ bảo hiểm màu xanh do Phạm Hoàng Anh T3 giao nộp.

Hậu quả:

1. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0318/GĐPY/2017 ngày 15/5/2017 của Trung Tâm pháp y Đồng Nai đối với Nguyễn Tấn T2 thể hiện:

- Chấn thương gãy 1/3 dưới xương trụ trái trục lệch, can xấu.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 21%.

- Kết luận khác: Vật gây thương tích do vật tày.

2. Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0319/GĐPY/2017 ngày 15/5/2017 của Trung Tâm pháp y Đồng Nai đối với Phạm Hoàng Anh T3 thể hiện:

- Tổn thương đứt gân duỗi ngón II, III, IV, V bàn tay trái đã được phẫu T1ật khâu nối, hiện để lại hạn chế động tác duỗi ngón II, III, IV, V bàn tay trái mức độ nặng. Tỷ lệ: 06%.

- Vết thương vai phải để lại sẹo kích thước 3,5x0,3cm, vết thương bàn tay trái để lại sẹo kích thước 6,5x0,2cm, vết thương mông phải để lại sẹo kích thước 03x0,2cm, vết thương đùi phải để lại sẹo kích thước 3,5x0,2cm. Tỷ lệ: 03%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 09%.

Kết luận khác:

- Chấn thương cằm do vật tày.

- Thương tích vai phải, bàn tay trái, mông phải, đùi phải do vật sắc.

Tại cáo trạng số 76/CT-VKS-HS ngày 21/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn M cùng về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, trên cơ sở đánh giá các dấu hiệu cấu thành tội

phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Đặng Văn M phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999

- Đề nghị mức án đối với bị cáo Đặng Văn T từ 02(hai) năm đến 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo

- Đề nghị mức án đối với bị cáo bị cáo Đặng Văn M mức án từ 01(một) năm đến 01(một) năm 06(sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo

Về trách nhiệm dân sự:

- Đặng Văn M, Đặng Văn T đã thỏa thuận bồi thường cho Nguyễn Tấn T2 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), anh T2 không có yêu cầu nào khác.

- Đặng Văn M, Đặng Văn T đã thỏa thuận bồi thường cho Phạm Hoàng Anh T3 số tiền 20.000.000đ. Tại hồ sơ vụ án anh T3 yêu cầu các bị cáo T, M bồi thường số tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 30.000.000đ , đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Đặng Văn M khai nhận đã trả cho Phạm Hoàng Anh T3 số tiền 150.000.000đ (đây là số tiền do Đặng Văn T vay và thiếu nợ Phạm Hoàng Anh T3 từ trước).

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 dao bầu dài 40cm, mũi nhọn (phần lưỡi dài 30cm, phần cán gỗ dài 10cm); 01 típ sắt tròn dài 70cm, đường kính 2,5cm; 01 dao rựa dài 50cm (phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 30cm, bản rộng nhất 08cm); 01 mũ bảo hiểm màu xanh. Đây là những công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave RX biển số 60B3 – 104.92 là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị Mỹ T5, sinh năm 1998 cư ngụ tại ấp PN, xã PT cho Phạm Hoàng Anh T3 mượn. Hiện Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu.

- Đối với xe mô tô 60B3 – 419.45 do Đặng Văn M điều khiển chở Đặng Văn T đi tìm T3 và T2, Cơ quan điều tra đã xác định xe mô tô 60B3 – 419.45 T1ộc quyền sở hữu của ông M là phương tiện không trực tiếp dùng vào việc phạm tội nên không thu hồi.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Lời khai của bị hại, đương sự và người làm chứng trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của những người tham gia tố tụng được tòa án triệu tập có mặt tại phiên tòa thể hiện như sau:

- Người bị hại anh Nguyễn Tấn T2 khai: Khoảng 11 giờ ngày 21/4/2017 Phạm Hoàng Anh T3 nhờ anh T2 đến nhà T để hỏi tiền cho T3 thì giữa anh T2 và bị cáo T xảy ra xô xát, cãi nhau, bị cáo T nói " chuyện của tao với thằng T3 không liên quan đến mày ", T2 có dùng tay đẩm T 01 cái vào người, bị cáo T liền chạy ra sân nhà mình la lên thì T2 bỏ về nói lại sự việc cho anh T3 nghe. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 21/4/2017, T2 chở anh T3 đến nhà của T, tại đây anh T3 và T có xảy ra chửi bới đe dọa đánh nhau, T3 rút con dao rựa mang từ trước còn T vào

cầm 01 con dao bầu và 01 cây tuýp sắt, sau đó T chạy ra ngoài đóng cổng lại. T2 và T3 bỏ đi theo hướng cửa sau của nhà nghỉ. Khi đến đường hẻm hướng ra quốc lộ 20 thì gặp ông M điều khiển xe mô tô chở T phía sau từ quốc lộ 20 đi vào đường hẻm, T nhảy xuống chạy đến, ông M dừng xe mô tô đi theo sau T. T2 và T3 thấy T và ông M chạy đến liền quay đầu bỏ chạy vào phía trong đường hẻm. Khi chạy tới cổng nhà anh T4, T2 bị vấp té ngã xuống đất, T và M chạy tới, T2 chỉ biết ôm đầu và đưa tay lên đỡ thì bị đánh gây thương tích ở cánh tay trái, do T2 đội nón bảo hiểm và mặc áo khoác bên ngoài nên không có thương tích gì. Nón bảo hiểm và áo khoác T2 đã làm thất lạc khi đi khám chữa bệnh nên không giao nộp cho cơ quan công an. Thương tích ở tay trái, T2 không xác định được ai là người đánh, lúc đó chỉ có T, ông M và T2 còn anh T3 đã bỏ chạy trước, T2 không biết có ai chứng kiến hay không. Thực tế T2 khai ông M cầm tuýp đánh T2 là do anh T3 nói T2 phải khai như vậy để xử lý ông M và T. Hiện nay bị cáo T và bị cáo M đã bồi thường cho T2 số tiền 30.000.000đ, Ngày 14/8/2017 T2 đã viết đơn bãi nại và đề nghị không yêu cầu khởi tố cho T và ông M. Trong đơn anh T2 khẳng định ông M không tham gia đánh T2 đồng thời cam kết không khiếu nại hay thắc mắc gì về sau.

- Người bị hại Phạm Hoàng Anh T3 trình bày:

Anh T3 và bị cáo T là chỗ quan hệ quen biết, T có vay và thiếu nợ của anh T3 số tiền 150.000.000đ. Do anh T3 có mối quan hệ tình cảm với chị Trịnh Thị N, sinh năm 1989 (N là vợ của Đặng Văn T), hai bên đã hẹn hò gặp nhau. Khoảng 03 giờ sáng ngày 17/4/2017 anh T3 trèo tường rào vào khu nhà nghỉ để gặp Trịnh Thị N tại phòng nghỉ trọ số 105 thì bị T bắt gặp đuổi đánh và anh T3 bỏ chạy.

Ngày 21/4/2017 anh T3 nhờ Nguyễn Tấn T2 đến nhà T hỏi tiền cho mình thì giữa T và T2 xảy ra xô xát, cãi nhau, sau đó T2 bỏ về nói sự việc cho anh T3 nghe. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/4/2017 anh T3 mang theo 01 con dao rựa giấu trong người và kêu T2 điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 104.92 chở đến nhà T. Tại đây T3 và T đã xảy ra xô xát, T cầm 01 dao bầu và 01 tuýp sắt, anh T3 cầm 01con dao rựa, hai bên có chửi bới đe đọa đánh nhau nhưng không có ai bị thương tích. T chạy ra ngoài đóng cổng lại nên anh T3 và T2 dắt xe mô tô theo hướng cửa sau nhà nghỉ đi ra ngoài. Khi ra tới đường hẻm hướng ra quốc lộ 20 thì gặp ông M điều khiển xe mô tô chở T đi vào. Thấy vậy anh T3 và T2 quay đầu bỏ chạy vào phía trong đường hẻm. Anh T3 chạy trước còn T2 chạy sau, nghe thấy T2 la lên, anh T3 quay lại thì T và ông M cùng rượt đuổi theo anh T3 để đánh. Do anh T3 trượt té ngã xuống đất thì bị ông M cầm tuýp còn T dùng dao chém gây thương tích cho anh T3. Hiện nay T và ông M đã thỏa thuận bồi thường tiền thuốc cho anh T3 số tiền 20.000.000đ. Ngày 14/8/2017 anh T3 đã viết đơn xin bãi nại và rút yêu cầu khởi tố cho T và ông M. Trong đơn anh T3 khẳng định ông M chỉ can ngăn chứ không tham gia đánh T3 đồng thời cam kết không khiếu nại hay thắc mắc gì.

Quá trình điều tra, anh T3 không yêu cầu bồi thường tiền thuốc chữa trị thương tích và tiếp tục đề nghị miễm giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và bị cáo M nhưng anh T3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh với số tiền cụ thể là 30.000.000 đồng.

- Chị Trịnh Thị N trình bày: Chị N là vợ của bị cáo T, chị N thừa nhận có tình cảm với anh T3 nhưng gia đình chị không biết, vào ngày 17/4/2017 chị N và anh T3 có hẹn hò gặp nhau tại nhà nghỉ do vợ chồng chị quản lý thì bị anh T bắt

gặp, anh T3 đã bỏ chạy, chị N năn nỉ xin T tha thứ. Khoảng 11 giờ trưa ngày 21/4/2017 anh T2 đến nhà chị N thì giữa T và T2 có xảy ra xô xát với nhau, T2 có dùng tay đám T một cái sau đó T2 bỏ về. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày T2 điều khiển xe mô tô chở anh T3 đi vào trong sân nhà nghỉ tìm gặp T, lúc này chị N thấy T3 cầm con dao rựa, T cầm dao bầu và típ sắt hai bên chửi bới đe dọa đánh nhau sau đó T chạy ra ngoài đóng cổng lại, thấy vậy chị N điện thoại cho ông M tới. Do T không mở cổng nên T2 và T3 dẫn xe theo hướng cửa sau nhà nghỉ đi ra ngoài. Một lúc sau thì ông M, ông M có hỏi thì anh T nói T3 và bỏ đi theo hướng cửa sau nhà nghỉ và anh T kêu ông M chở đi tìm anh T3 và T2. Sự việc tiếp diễn sau đó như thế nào chị không chứng kiến cho đến khi ông M chở T về nhà Nghỉ.

- Anh Hoàng Văn T4 trình bày: Khoảng hơn 13 giờ anh T4 đang ngủ trong nhà có nghe T2g ồn ào ở bên đường hẻm. Anh T4 bước ra nhìn qua cửa hông nhà thấy một thanh niên ngã vào cột cổng xi măng nhà anh, cách chỗ anh đứng khoảng 14m – 15m. Cùng lúc đó anh T4 thấy T và ông M chạy tới, T dùng vật gì đó đánh T2 từ hướng trên xuống vào người thanh niên này sau đó T và ông M chạy tiếp vào trong đường hẻm. Anh T4 xác nhận T là người đánh người thanh niên bị ngã tại cổng nhà anh, khi T đánh T2 xong tiếp tục chạy vào phía trong đường hẻm lúc này anh T4 mới thấy ông M cầm một tuýp sắt chạy theo sau T, sau này anh T4 mới biết T và ông M tiếp tục đuổi theo T3, sự việc tiếp diễn như thế nào thì anh T4 không biết. T2 sau khi bị T đánh thì bỏ đi đâu không rõ. Tại thời điểm đó ngoài anh ra, anh cũng không biết có ai chứng kiến không.

- Anh Đặng Văn B trình bày: Khoảnh hơn 13 giờ anh B đang ở nhà ngủ thì nghe có T2g chửi bới nhau ở bên ngoài. Anh B nhìn qua cửa chính thấy một thanh niên (nay được biết là T3) mặc áo đen, đội nón bảo hiểm chạy ra phía sau nhà, ông M đang chạy theo phía sau còn T chạy bọc ở ngoài rẫy. Anh B sợ quá nên bước ra đóng cửa chính lại rồi đi đến cửa sổ bên hông thì chứng kiến thấy T đang cầm dao đâm vào người anh T3 phía sau khu nhà vệ sinh (nhà tắm) của gia đình anh cách chỗ anh đứng khoảng 15m, ông M cầm cây tuýp sắt không đánh T3 mà ngăn cản, kéo T về không cho T đánh nữa, sự việc xô xát chấm dứt. Tại thời điểm đó ngoài anh ra, anh cũng không biết có ai chứng kiến không?

- Chị Nguyễn Thị Mỹ B1 trình bày: Chị là người giúp việc cho vợ chồng T – N. Vào ngày 21/4/2017 chị chứng kiến thấy T3 đến nhà T, T3 cầm 01 con dao rựa T cầm 01 con dao bầu và 01 típ sắt, hai bên dọa chém nhau nhưng không có ai bị thương tích, sau đó T3 và T2 bỏ đi theo lối cửa sau nhà nghỉ, chị N là vợ của bị cáo T có điện cho bị cáo M biết sự việc. Khi ông M đến thì chở T đi tìm T3 và T2, khoảng 30 phút sau thì ông M chở T về, ông M nói bắt được rồi, đánh được rồi, đánh gục ngay tại chỗ nhưng bà không chứng kiến sự việc đánh nhau giữa các bên như thế nào, ngoài ra bà không biết sự việc nào khác.

- Bị cáo T và bị cáo M đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về với xã hội. Về trách nhiệm dân sự anh T2 đã nhận 30.000.000đ; anh T3 đã nhận 20.000.000đ, anh T2 và anh T3 đã viết đơn bãi nại và rút yêu cầu khởi tố cho các bị cáo. Đối với anh T3 sau khi nhận 20.000.000đ chi phí tiền thuốc chữa trị thương tích, anh T3 tiếp tục yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần với số tiền 30.000.000đ thì bị cáo

T không chấp nhận mà chỉ đồng ý bồi thường thêm khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần với số tiền là 5.000.000đ cho anh T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Đặng Văn M không đưa ra đồ vật, tài liệu, chứng cứ nào khác.Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Điều khoản có lợi đối với hành vi xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực.

Xét thấy mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 so với mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 cùng về tội " cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho người khác" thì mức hình phạt quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn. Vì vậy căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo

Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn T:

- T và T3 là chỗ quen biết, hai bên có quan hệ vay nợ tiền với nhau. Khoảng 03 giờ sáng ngày 17/4/2017 T3 trèo tường vào phòng nghỉ số 105 thuộc khu nhà nghỉ của vợ chồng T để nói chuyện tình cảm yêu đương với N (N là vợ của T) lúc này T mới biết T3 có quan hệ tình cảm trái pháp luật với vợ mình. Vào lúc 11 giờ ngày 21/4/2017 T3 không trực tiếp mà nhờ T2 đến hỏi số tiền T còn nợ T3, tại nhà T, T2 có hành vi dùng tay đấm vào người T sau đó T2 ra về. Khoảng 13 giờ 30 ngày 21/4/2017, T2 điều khiển xe mô tô hiệu Wave RX biển số 60B3 – 104.92 chở T3 vào trong sân nhà Nghỉ, T2 ngồi trên xe mô tô còn T3 bước xuống cầm 01 dao rựa đã chuẩn bị từ trước đi vào trong nhà tìm T, thấy T3 T liền cầm 01 con dao bầu và 01 cây tuýp sắt ở gần đó, hai bên đe dọa đòi đánh nhau sau đó T chạy ra ngoài đóng cổng lại, T3 và T2 dắt xe mô tô theo hướng lối sau nhà nghỉ đi ra ngoài. Sau khi ông M đến bị cáo T đã kêu ông M dùng xe mô tô biển số 60B3 – 419.45 chở T tìm T3 và T2 đánh.

Bị cáo T thừa nhận do bức xúc trước việc T3 có quan hệ tình cảm trái pháp luật với vợ mình, T2 có hành vi đấm mình và bản thân T3 cầm dao rựa đến nhà đe dọa đòi đánh mình nên bị cáo T đã dùng tuýp sắt đánh gây thương tích ở tay trái của T2 và dùng dao bầu gây thương tích ở bàn tay trái, vai phải, mông phải, đùi phải của T3. Lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của bị hại T2, lời khai của người làm chứng, sơ đồ hiện trường vụ án, bản ảnh hiện trường vụ án cùng với tài

liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo T thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn M:

- Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/4/2017, bị cáo M có nghe N là vợ T điện báo việc T3 và T2 đến nhà đe đọa đánh T, bị cáo M có dùng xe mô tô biển số 60B3 – 419.45 đi đến nhà T, tại nnhà T không thấy T3 và T2 đâu mà chỉ thấy T hai tay cầm dao và tuýp sắt đang đứng ngoài cổng. T có nhờ bị cáo M chở T đi tìm T3 và T2 để đánh, khi gặp T3 và T2 không tham gia đánh gây thương tích cho T2 và T3. Bị cáo M thừa nhận đã đồng ý chở T đi tìm T3 và T2 thay vì can ngăn T, bản thân bị cáo M chạy theo T với mục đích ngăn cản T vì sợ T bức xúc quá không kiềm chế được mà dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Lời khai nhận của bị cáo M phù hợp với lời khai của bị hại T2, lời khai của những người làm chứng và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo M thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" với tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 mà Viện Kiểm sát đã truy tố.

Trong vụ án này có một phần lỗi của người bị hại cụ thể: Bị hại T2 không có mâu thuẫn gì với bị cáo T nhưng đã đến nhà T gây sự và dùng tay đấm bị cáo T. Bị hại T3 có quan hệ tình cảm trái pháp luật với vợ của bị cáo T và có hành vi mang hung khí đến nhà đe dọa đánh bị cáo T.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo T và bị cáo M theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật

Hành vi tội phạm của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của anh T2, anh T3 mà gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Do đó các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi của bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc mà quyết định cho phù hợp nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về đồng phạm: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc với nhau từ trước. Bị cáo T là người thực hành còn bị cáo M có vai trò là người giúp sức thể hiện:

- Bị cáo Đặng Văn T đã có sự chuẩn bị hung khí trước để đề phòng khi T3, T2 quay lại và là người trực tiếp dùng tuýp sắt, dao gây thương tích cho T2 và T3.

- Bị cáo M không trực tiếp gây thương tích cho T2 và T3 nhưng không tích cực trong việc ngăn cản T tìm đánh T2 và T3. Sự có mặt của bị cáo M giúp bị cáo T về mặt tinh thần khi đối diện với T3 và T2 (do có sự chênh lệch về tương quan lực lượng).

Do đó các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự, trong đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo M là hoàn toàn có cơ sở.

[5]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng năng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi gây thương tích các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiền thuốc chữa trị thương tích cho những người bị hại. Bị hại T2 và T3 đã viết đơn xin bãi nại và đề nghị không yêu cầu khởi tố vụ án. Đây là những tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng cụ thể: Ông Đặng Xuân M1, sinh năm 1945 có công với cách mạng, là thương binh loại 2/4, thương tật 61%; được Nhà nước tặng Bằng khen, kỷ niệm chương vì đã có thành tích trong chiến đấu tại mặt trận phía nam tổ quốc. Bà Trương Thị M2, sinh năm 1946 đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến; được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ. Ông M1 và bà M2 là cha mẹ ruột của bị cáo M và là ông nội, bà nội của bị cáo T. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự và được Ủy ban nhân dân nơi cư trú xác nhận là công dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương. Bản thân bị cáo T thuộc gia đình hoàn cảnh khó khăn, hai con còn nhỏ, vợ mắc bệnh hiểm nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mặt khác nguyên nhân xảy ra vụ án do một phần lỗi của những người bị hại. Bản thân bị cáo T đã bị tạm giam 04 tháng 10 ngày như vậy cũng đã đủ mức răn đe và giáo dục đối với bị cáo. Các bị cáo, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú theo dõi giáo dục. Vì vậy khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử xem xét tuyên mức án cho phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khoản tiền chi phí điều trị thương tích cho những người bị hại cụ thể:

- Đối với bị hại T2, các bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000đ, anh T2 đã viết đơn đề nghị miễn giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và cam kết không có ý kiến, khiếu nại thắc mắc nào khác nên không xem xét.

- Đối với bị hại T3, các bị cáo đã bồi thường cho số tiền 20.000.000đ, anh T3 không khiếu nại thắc mắc gì về khoản tiền chi phí thuốc chữa trị đã nhận, anh T3 tiếp tục đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng anh T3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000đ. Do trước đây các bị cáo và anh T3 tự nguyện thỏa T1ận về bồi thường tiền thuốc chữa trị thương tích mà chưa có khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần vì vậy yêu cầu của anh T3 là có cơ sở, Hội đồng xét xét xử sẽ xem xét theo quy định của pháp luật.

Xét thấy tại phiên tòa, thương tích của T3 do bị cáo T trực tiếp gây ra nên bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T3 vắng mặt, bị cáo T tự nguyện bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần số tiền 5.000.000đ, sự tự nguyện bồi thường của bị cáo T phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Ngoài ra bị cáo T thừa nhận có nợ T3 số tiền là 150.000.000đ. Quá trình điều tra thể hiện bị cáo T và bị cáo M đã trả hết số tiền này cho anh T3. Do quan hệ vay nợ giữa T và T3 thuộc lĩnh vực tranh chấp dân sự không liên quan đến vụ

án, hơn nữa anh T3 không có mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Xét thấy lời trình bày của chị Trịnh Thị N tại cơ quan điều tra và tại phiên Tòa, chị N là vợ của bị cáo T, chị N không trực tiếp gây thương tích cho anh T2 và anh T3, chị chỉ là người chứng kiến trước khi vụ án xảy ra. Chị N không có ý kiến yêu cầu gì, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị N, vì vậy Hội đồng xét xử xác định chị N tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

[8]. Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave RX biển số 60B3 – 104.92 là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị Mỹ T5, sinh năm 1998 cư ngụ tại ấp PN, xã PT cho Phạm Hoàng Anh T3 mượn. Hiện Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật nên không xem xét.

- Đối với xe mô tô biển số 60B3 – 419.45 do Đặng Văn M điều khiển để chở Đặng Văn T đi đến nơi xảy ra vụ án, Cơ quan điều tra không T1 hồi, do giữa T và M không có bàn bạc gì với nhau từ trước, xe mô tô biển số 60B3 – 419.45 không phải là phương tiện trực tiếp dùng vào việc phạm tội nên không thu hồi xử lý là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với tang vật gồm: 01 dao bầu dài 40cm, mũi nhọn (phần lưỡi dài 30cm, phần cán gỗ dài 10cm); 01 típ sắt tròn dài 70cm, đường kính 2,5cm; 01 dao rựa dài 50cm (phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 30cm, bản rộng nhất 08cm); 01 mũ bảo hiểm màu xanh. Đây là những công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là đúng với quy định pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo T và bị cáo M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hình phạt của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn M phạm tội "**Cố ý gây thương tích**".

Xử phạt:

- Bị cáo Đặng Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 04(bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Đặng Văn M 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 01(một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Văn T và bị cáo Đặng Văn M cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bị cáo T có trách nhiệm bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho anh Phạm Hoàng Anh T3 số tiền: 5.000.000đ (năm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 dao bầu dài 40cm, mũi nhọn(phần lưỡi dài 30cm, phần cán gỗ dài 10cm); 01 típ sắt tròn dài 70cm, đường kính 2,5cm; 01 dao rựa dài 50cm (phần cán gỗ dài 20cm, phần lưỡi dài 30cm, bản rộng nhất 08cm); 01 mũ bảo hiểm màu xanh

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú ngày 10 tháng 01 năm 2018).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Nguyễn Tấn T2 và Phạm Hoàng Anh T3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Văn Phi